

Số: **43**/KH - ĐCT

Hà Nội, ngày **03** tháng **6** năm 2022

KẾ HOẠCH

Triển khai Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 Giai đoạn I: 2021-2025

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg, ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (gọi tắt là Chương trình MTQG DTTS & MN); Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình, Quy định phân bổ vốn và quản lý, sử dụng nguồn ngân sách thực hiện Chương trình MTQG DTTS & MN;

Căn cứ nhiệm vụ của Hội Liên hiệp Phụ nữ (LHPN) Việt Nam được giao trong Chương trình MTQG DTTS & MN, trong đó tập trung triển khai Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” (gọi tắt là Dự án 8), Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội LHPN Việt Nam ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện DA8 giai đoạn 1: 2021 - 2025 như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các nhiệm vụ, chỉ tiêu, giải pháp thực hiện Dự án 8; định hướng, hỗ trợ các tỉnh, thành phố triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, hoạt động và đạt các chỉ tiêu của Dự án đặt ra đến năm 2025.

- Nâng cao nhận thức, hỗ trợ chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, bảo vệ, chăm sóc phụ nữ và trẻ em, góp phần thực hiện mục tiêu bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Xác định vai trò, trách nhiệm của các cấp Hội phụ nữ trong tổ chức thực hiện Dự án 8 và tham gia thực hiện Chương trình MTQG DTTS & MN tại địa phương.

2. Yêu cầu

- Bám sát mục tiêu, yêu cầu của Chương trình theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và chỉ đạo, định hướng của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội LHPN Việt Nam.

- Trong quá trình triển khai Dự án phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các

ngành, các cấp; phối hợp nguồn lực thực hiện Dự án 8 gắn với thực hiện các nhiệm vụ liên quan của Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và nguồn xã hội hóa.

- Triển khai thực hiện Dự án đảm bảo hiệu quả thực chất, tiết kiệm, đúng tiến độ và phù hợp với tình hình thực tế địa phương.

II. Mục tiêu, đối tượng, địa bàn thực hiện

1. Mục tiêu

Nâng cao nhận thức, thay đổi định kiến, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, bảo vệ, chăm sóc phụ nữ và trẻ em, thực hiện mục tiêu bình đẳng giới và tập trung giải quyết có hiệu quả một số vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em vùng DTTS và miền núi.

2. Đối tượng thụ hưởng

Phụ nữ và trẻ em gái tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn, ưu tiên phụ nữ và trẻ em gái là người dân tộc thiểu số trong các hộ nghèo, cận nghèo, nạn nhân bị mua bán, bị bạo lực gia đình, bị xâm hại tình dục, di cư lao động không an toàn/lấy chồng nước ngoài trở về, phụ nữ khuyết tật.

3. Địa bàn

Vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, ưu tiên nguồn lực cho các thôn đặc biệt khó khăn của xã khu vực III, khu vực II, khu vực I theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 và các quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có), xã ATK, xã biên giới.

III. Nội dung hoạt động

1. Chỉ tiêu chính của Dự án 8 đến năm 2025

- 9.000 Tổ truyền thông cộng đồng được thành lập và duy trì hoạt động.
- 3.000 Tổ tiết kiệm vay vốn thôn bản (TKVVTB) được củng cố, nâng cao chất lượng/hoặc thành lập mới và duy trì. Trên cơ sở tổ TKVVTB: thí điểm hỗ trợ giới thiệu 15% thành viên Tổ TKVVTB hiện có tiếp cận với các định chế tài chính chính thức; thí điểm hỗ trợ 15% thành viên của Tổ TKVVTB hiện có phát triển sinh kế; thí điểm 1800 Tổ TKVVTB áp dụng phương pháp học tập và hành động giới.
 - 500 tổ/nhóm sinh kế có phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ (tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, hợp tác xã) ứng dụng công nghệ 4.0 trong sản xuất và kết nối thị trường.
 - 1000 Địa chỉ tin cậy cộng đồng được củng cố, nâng chất lượng trên cơ sở mô hình hiện có/hoặc thành lập mới.
 - 80% phụ nữ thuộc nhóm dân tộc có tỷ lệ sinh con tại nhà cao được tuyên truyền, vận động, tư vấn kiến thức và tiếp cận với dịch vụ sinh đẻ an toàn.
 - 1.800 CLB thủ lĩnh của sự thay đổi của trẻ em được thành lập, nâng cao năng lực và hỗ trợ tổ chức hoạt động.

- 4.400 cuộc đối thoại chính sách cấp xã và cụm thôn bản được tổ chức tại các địa bàn đặc biệt khó khăn.

- 2000 cán bộ nữ DTTS cấp huyện, cấp xã (gồm: cán bộ nữ trong quy hoạch vào các vị trí lãnh đạo, cán bộ nữ mới bổ nhiệm, cán bộ nữ mới trúng cử lần đầu)
(*Phân bổ chỉ tiêu cụ thể giai đoạn I: 2021 - 2025 tại phụ lục 01 đính kèm*)

2. Nội dung hoạt động

2.1. Nội dung 1: Tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em

2.1.1. Xây dựng các tổ/nhóm truyền thông tiên phong thay đổi trong cộng đồng

- Xây dựng tài liệu hướng dẫn truyền thông, vận hành, quản lý các tổ/nhóm truyền thông và tập huấn hướng triển khai

- Thành lập và duy trì bền vững Tổ/nhóm truyền thông cộng đồng

2.1.2. Thực hiện các chiến dịch truyền thông xóa bỏ định kiến và khuôn mẫu giới, xây dựng môi trường sống an toàn cho phụ nữ và trẻ em

- Xây dựng chương trình truyền thông trên các kênh truyền thông đại chúng tại các cấp (Trung ương, tỉnh, huyện, xã)

- Xây dựng tài liệu/ấn phẩm truyền thông và số hóa tài liệu, mô hình truyền thông dưới dạng video, hình ảnh phù hợp với đối tượng, vùng miền, dân tộc để chia sẻ, lan tỏa qua các kênh thông tin trên nền tảng số.

2.1.3. Hội thi/liên hoan các mô hình sáng tạo, hiệu quả trong xóa bỏ định kiến giới, bạo lực gia đình, và mua bán phụ nữ và trẻ em

- Tổ chức các cuộc thi tìm kiếm sáng kiến, giải pháp truyền thông hiệu quả thay đổi “Nếp nghĩ, cách làm” tại các cấp (cấp tỉnh và Trung ương).

- Tư liệu hóa các sáng kiến, mô hình, giải pháp hiệu quả từ cuộc thi và tuyên truyền, nhân rộng.

2.1.4. Triển khai 04 gói chính sách hỗ trợ phụ nữ DTTS sinh đẻ an toàn và chăm sóc sức khỏe trẻ em tại địa bàn có đông người DTTS và có tỷ lệ sinh con tại nhà cao hơn mức trung bình của cả nước

2.2. Nội dung 2: Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em

2.2.1. Phát triển và nhân rộng mô hình tiết kiệm và tín dụng tự quản để tăng cường tiếp cận tín dụng, cải thiện cơ hội sinh kế, tạo thu nhập và lồng ghép giới

- Củng cố, nâng cao chất lượng/hoặc thành lập mới và duy trì tổ TKVVTB. Trên cơ sở tổ TKVVTB: thí điểm hỗ trợ giới thiệu 15% thành viên Tổ TKVVTB hiện có tiếp cận với các định chế tài chính chính thức; thí điểm hỗ trợ 15% thành

viên của Tổ TKVVTB hiện có phát triển sinh kế; thí điểm 1800 Tổ TKVVTB áp dụng phương pháp học tập và hành động giới.

- Xây dựng tài liệu hướng dẫn thành lập, vận hành, quản lý tổ TKVVTB, hướng dẫn kết nối với các định chế tài chính chính thức, phát triển sinh kế, áp dụng phương pháp học tập và hành động giới cho Tổ TKVVTB và tập huấn hướng dẫn triển khai.

2.2.2. *Hỗ trợ ứng dụng công nghệ 4.0 để nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ DTTS trong sản xuất và kết nối thị trường cho các sản phẩm nông sản.*

2.2.3. *Củng cố, nâng cao chất lượng/hoặc thành lập mới Địa chỉ tin cậy cộng đồng hỗ trợ bảo vệ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bạo lực gia đình*

2.2.4. *Thí điểm và nhân rộng mô hình hỗ trợ phát triển sinh kế, hòa nhập cộng đồng cho nạn nhân mua bán người*

2.3. Nội dung 3: Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế xã hội của cộng đồng; giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị

2.3.1. *Đảm bảo tiếng nói và vai trò của phụ nữ trong các vấn đề kinh tế xã hội tại địa phương*

- Xây dựng Sổ tay hướng dẫn đối thoại chính sách ở cấp cơ sở và tập huấn hướng dẫn triển khai

- Tổ chức các cuộc đối thoại chính sách ở cấp xã và cụm thôn bản đặc biệt khó khăn

- Thực hiện giám sát xã hội theo chủ đề/vấn đề do Hội chủ động đề xuất, chủ trì hoặc phối hợp thực hiện

2.3.2. *Đảm bảo tiếng nói và vai trò của trẻ em gái trong phát triển kinh tế xã hội tại cộng đồng thông qua mô hình CLB “thủ lĩnh của sự thay đổi”*

- Thành lập, vận hành CLB thủ lĩnh của sự thay đổi tại trường Trung học cơ sở (THCS)

- Xây dựng tài liệu hướng dẫn thành lập, vận hành CLB “thủ lĩnh của sự thay đổi” và tập huấn hướng dẫn triển khai

2.3.3. *Công tác giám sát và đánh giá về thực hiện bình đẳng giới trong CTMTQG DTTS&MN*

- Xây dựng tài liệu hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Dự án, thực hiện bình đẳng giới trong Chương trình MTQG DTTS & MN và tập huấn hướng dẫn các cấp thực hiện

- Thực hiện giám sát, hỗ trợ kỹ thuật cho các địa bàn Dự án; xây dựng hệ thống thông tin giám sát về bình đẳng giới trên nền tảng số

- Tiến hành đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ thực hiện các mục tiêu của Dự án; tổ chức Hội nghị sơ kết, đánh giá hàng năm, giữa kỳ, giai đoạn.

2.3.4. *Nâng cao năng lực cho cán bộ nữ DTTS tham gia vào các vị trí lãnh đạo trong hệ thống chính trị*

- Xây dựng tài liệu và tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ nữ người DTTS tại các cấp (gồm: cán bộ nữ trong quy hoạch vào các vị trí lãnh đạo, cán bộ nữ mới bổ nhiệm, cán bộ nữ mới trúng cử lần đầu)
- Tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm tại các địa phương điển hình

2.4. Nội dung 4. Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới (LGG) cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng

2.4.1. *Xây dựng chương trình phát triển năng lực thực hiện bình đẳng giới cho cán bộ các cấp trong hệ thống chính trị*

- Xây dựng tài liệu tập huấn 03 Chương trình phát triển năng lực lồng ghép giới cho cán bộ các cấp (cấp tỉnh, huyện, xã và thôn/bản) và tổ chức tập huấn tại các cấp

2.4.2. *Xây dựng đội ngũ giảng viên nguồn về lồng ghép giới*

- Xây dựng tài liệu và tập huấn xây dựng đội ngũ giảng viên cho cấp Trung ương và các tỉnh, thành phố tham gia thực hiện Dự án.

2.4.3. *Số hóa tài liệu tập huấn dưới hình thức các khóa học trực tuyến và tích hợp trên các kênh truyền thông trực tuyến của các cấp Hội.*

2.4.4. *Đánh giá các hoạt động nâng cao năng lực và điều chỉnh phương pháp, nội dung các hoạt động nâng cao năng lực trong quá trình thực hiện Dự*

IV. Kinh phí thực hiện

Ngân sách thực hiện Dự án 8 chi vào nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước.

1. Ngân sách thực hiện Dự án tại cấp Trung ương: chi vào nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm cho Trung ương Hội LHPN Việt Nam và các ban, bộ, ngành liên quan để triển khai nhiệm vụ được giao thực hiện Dự án 8.

2. Ngân sách thực hiện Dự án tại địa phương: các địa phương chủ động bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách trung ương cấp thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi và nguồn ngân sách địa phương để đảm bảo thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Dự án.

- Căn cứ vào nội dung hoạt động, chỉ tiêu của Dự án giao cho tỉnh, Hội LHPN tỉnh, thành phố chủ động phối hợp với Sở Tài chính tham mưu phân bổ ngân sách để thực hiện Dự án tại địa phương; đồng thời, vận động, huy động thêm nguồn lực xã hội hóa để chủ động, kịp thời triển khai các nhiệm vụ của Dự án theo kế hoạch

- Các ban, sở, ngành được giao nhiệm vụ tham gia thực hiện Dự án 8 chủ động đề xuất ngân sách trong dự toán của cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ

hàng năm.

- Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách thực hiện Dự án 8 tại địa phương thực hiện theo Quyết định số 39/QĐ-TTg ngày 30/12/2021. Việc lập dự toán, chi tiêu và quyết toán hoạt động thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2022/TT-BTC, ngày 04 tháng 3 năm 2022 Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

V. Tổ chức thực hiện

1. Trung ương Hội LHPN Việt Nam

- Thành lập Ban điều hành Dự án cấp Trung ương do Chủ tịch Hội LHPN Việt Nam làm Trưởng ban, 01 Phó Chủ tịch (đồng chí Tôn Ngọc Hạnh - Ủy viên dự khuyết BCH Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Hội LHPN Việt Nam) làm Phó ban và các thành viên, gồm: Trưởng các ban, đơn vị cơ quan Trung ương Hội LHPN Việt Nam (trong đó, giao Trưởng ban Dân tộc - Tôn giáo trực tiếp tham mưu, giúp việc cho Ban điều hành) và đại diện các bộ, ngành liên quan theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các ban, đơn vị cơ quan Trung ương Hội tham gia thực hiện Dự án gắn với chức năng nhiệm vụ của ban chuyên môn.

- Ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, kế hoạch định hướng triển khai Dự án theo giai đoạn, hàng năm và tập huấn hướng dẫn các tỉnh, thành phố triển khai thực hiện.

- Kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện Dự án; sơ kết, đánh giá Dự án trên phạm vi toàn quốc, đề ra các giải pháp tăng cường hiệu quả hoạt động của Dự án; giám sát, hỗ trợ kỹ thuật cho các tỉnh/thành phố.

- Phối hợp các ban, bộ, ngành và UBND các tỉnh, thành phố hướng dẫn thực hiện bình đẳng giới trong triển khai Chương trình MTQG DTTS & MN và giám sát, đánh giá thực hiện bình đẳng giới trong Chương trình.

- Các ban, đơn vị cơ quan Trung ương Hội LHPN Việt Nam phối hợp triển khai thực hiện các hoạt động của Dự án tại cấp Trung ương theo phân công nhiệm vụ cụ thể gắn với chức năng, nhiệm vụ của ban chuyên môn.

- Vận động, khai thác, huy động nguồn lực xã hội hóa từ các tổ chức trong và ngoài nước hỗ trợ thực hiện Dự án.

- Báo cáo kết quả thực hiện Dự án trên toàn quốc gửi cơ quan Chủ quản tổng hợp báo cáo Chính phủ.

2. Hội LHPN các tỉnh, thành phố

- Tham mưu với Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố hình thành cơ chế chỉ đạo, phối hợp tổ chức thực hiện Dự án 8 tại cấp tỉnh với có sự tham gia của các ban, ngành liên quan, trong đó, giao cho Hội LHPN tỉnh là cơ quan chủ trì tham mưu, giúp việc

triển khai Dự án 8; tham mưu hướng dẫn hình thành cơ chế phối hợp thực hiện Dự án 8 tại cấp huyện và cơ sở.

- Tham mưu cho UBND tỉnh, thành phố xây dựng kế hoạch hoạt động, phân bổ chỉ tiêu thực hiện Dự án cho các cấp, các ngành liên quan và xây dựng dự toán ngân sách triển khai Dự án theo giai đoạn, hàng năm trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn chung của Chương trình MTQc G DTTS & MN và hướng dẫn cụ thể của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội LHPN Việt Nam **tại phụ lục 1, phụ lục 2 đính kèm.**

- Phân công 01 lãnh đạo phụ trách và 01 ban đầu mối tham mưu tổ chức thực hiện Dự án 8 tại địa phương. Chủ động phối hợp với Ban Dân tộc - Tôn giáo TW Hội, Văn phòng điều phối Chương trình cấp tỉnh, các sở, ngành liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện Dự án.

- Chủ động vận động, huy động, lồng ghép các nguồn lực để kịp thời triển khai các hoạt động của Dự án theo kế hoạch.

- Đối với các tỉnh, thành phố tự chủ về ngân sách thực hiện Dự án 8: chủ động tham mưu xây dựng Kế hoạch hoạt động trên cơ sở hướng dẫn của trung ương và đề xuất ngân sách thực hiện Dự án hàng năm và cả giai đoạn với HĐND, UBND tỉnh.

- Tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức các hội nghị/tập huấn hướng dẫn triển khai Dự án tại địa phương; sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện Dự án hàng năm, giai đoạn.

- Tổng hợp báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện Dự án 8 tại địa phương theo mẫu biểu hướng dẫn, gửi TW Hội LHPN Việt Nam trước **ngày 20 tháng 9** hàng năm và cập nhật **bổ sung số liệu năm thực hiện trước ngày 05 tháng 2 năm sau** (qua Ban Dân tộc - Tôn giáo) và các báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

3. Đề nghị các ban, bộ ngành: Ủy ban Dân tộc, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Y tế, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Ban, Bộ, Ngành chủ trì các dự án theo Quyết định 1719/QĐ-TTg:

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao theo Quyết định 1719/QĐ-TTg, tham gia thực hiện Dự án 8; thực hiện lồng ghép giới trong các Dự án do ban, bộ, ngành chủ trì và theo dõi, giám sát, đánh giá thực hiện lồng ghép giới trong các Dự án.

- Chia sẻ, cập nhật thông tin, báo cáo về kết quả thực hiện lồng ghép giới trong các Dự án thành phần do ngành chủ trì gửi về Trung ương Hội LHPN Việt Nam (qua Ban Dân tộc - Tôn giáo) để tổng hợp, gửi Ủy ban Dân tộc báo cáo Chính phủ.

- Chỉ đạo ngành dọc phối hợp, hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật cho Hội LHPN cùng cấp triển khai các mô hình, hoạt động của Dự án 8 liên quan đến chuyên môn của ngành, cụ thể là:

+ Bộ Y tế: phối hợp hướng dẫn, chỉ đạo ngành dọc phối hợp với Hội LHPN cùng cấp tổ chức thực hiện 04 gói chính sách hỗ trợ phụ nữ DTTS sinh đẻ an toàn và

chăm sóc sức khỏe trẻ em.

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo: phối hợp chỉ đạo triển khai mô hình *Câu lạc bộ Thủ lĩnh của sự thay đổi* trong các trường THCS và phối hợp thực hiện lồng ghép giới trong các chương trình bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý và giáo viên các bậc học giáo dục phổ thông.

+ Bộ LĐTB&XH: hỗ trợ kỹ thuật triển khai các hoạt động nâng cao năng lực, truyền thông thực hiện bình đẳng giới và vận động lồng ghép giới trong các chính sách, chương trình phát triển kinh tế xã hội.

+ Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch: phối hợp chỉ đạo triển khai mô hình Địa chỉ tin cậy cộng đồng và các hoạt động hỗ trợ giải quyết các vấn đề liên quan đến bạo lực đối với phụ nữ, trẻ em.

+ Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn: hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình sinh kế cho phụ nữ (tổ/nhóm sinh kế, tổ hợp tác, hợp tác xã do phụ nữ làm chủ/đồng làm chủ).

+ Bộ Thông tin và Truyền thông: hỗ trợ ứng dụng công nghệ 4.0 trong sản xuất, kết nối thị trường cho các sản phẩm bản địa do tổ/nhóm phụ nữ sản xuất, hỗ trợ truyền thông xóa bỏ định kiến giới, khuôn mẫu giới trên các kênh truyền thông đại chúng.

+ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: trong xây dựng các chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện CTMTQG DTTS & MN cần quan tâm, tạo điều kiện cho các mô hình sinh kế do phụ nữ làm chủ/hoặc tham gia quản lý (hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình) được ưu tiên tiếp cận với tín dụng ưu đãi để phát triển kinh tế, thúc đẩy quyền năng kinh tế cho phụ nữ.

4. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phối hợp giám sát quá trình triển khai thực hiện Dự án 8 và việc thực hiện các chính sách hỗ trợ giải quyết những vấn đề liên quan đến phụ nữ và trẻ em tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

5. Đề nghị UBND các tỉnh, thành phố

- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách thực hiện Dự án theo giai đoạn, hàng năm tại địa phương và bố trí ngân sách đảm bảo các yêu cầu theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Căn cứ tình hình thực tế địa phương, hình thành cơ chế chỉ đạo, phối hợp tổ chức thực hiện Dự án 8 tại cấp tỉnh với sự tham gia của các ban, ngành liên quan, trong đó, giao cho Hội LHPN tỉnh là cơ quan chủ trì tham mưu, giúp việc triển khai thực hiện Dự án 8; chỉ đạo, hướng dẫn hình thành cơ chế tổ chức thực hiện Dự án 8 tại cấp huyện, xã.

- Chỉ đạo, giám sát việc thực hiện lồng ghép giới trong Chương trình MTQG DTTS & MN tại địa phương.

- Kiểm tra, giám sát, sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện Dự án hàng năm, giai đoạn và đề xuất các giải pháp thực hiện Dự án giai đoạn tiếp theo.

- Chỉ đạo báo cáo kết quả thực hiện Dự án 8 tại địa phương gửi Trung ương Hội LHPN Việt Nam định kỳ, đột xuất.

Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội LHPN Việt Nam đề nghị Hội LHPN các tỉnh, thành phố tổ chức thực hiện bám sát yêu cầu của Kế hoạch và đảm bảo hiệu quả, thiết thực. Đề nghị các ban, bộ, ngành liên quan và UBND các tỉnh, thành phố căn cứ vào nhiệm vụ được giao theo Quyết định 1719/QĐ-TTg và tình hình thực tế của ngành, địa phương để chỉ đạo, triển khai đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng đối tượng. Trong quá trình triển khai thực hiện, liên hệ với Ban Dân tộc - Tôn giáo, Trung ương Hội LHPN Việt Nam để kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc phát sinh (Điện thoại: 0243.3972.0250, Email: dantoctongiao@gmail.com). *H*

Nơi nhận:

- VP điều phối CT MTQG;
- Các ban, bộ, ngành theo QĐ1719/QĐ-TTg;
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Thường trực ĐCT TW Hội;
- Các ban, đơn vị CQ TW Hội;
- UBND và Hội LHPN 51 tỉnh/thành theo QĐ 861/QĐ-TTG;
- Lưu: VT, DTTG

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH**



Hà Thị Nga

Phụ lục 01:

PHÂN BỐ CHỈ TIÊU THỰC HIỆN DỰ ÁN 8 GIAI ĐOẠN I: 2021 - 2025

(Đính kèm Kế hoạch số 43 /KH - ĐCT ngày 03 / 6 /2022)

STT	Tỉnh/thành	NỘI DUNG										
		Tổ/nhóm truyền thông cộng đồng được thành lập và duy trì	Nâng cao quyền năng kinh tế và giải quyết vấn đề cấp thiết của PN&TE				Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia của PN&TE; Thúc đẩy vai trò lãnh đạo của PN trong hệ thống chính trị			Nâng cao năng lực cán bộ trong hệ thống chính trị về BDG, LGG		
		Thành lập và duy trì tổ truyền thông cộng đồng (tổ)	Củng cố, nâng chất lượng/hoặc thành lập mới Tổ TKVVTB (tổ), trong đó thí điểm hỗ trợ giới thiệu 15% thành viên Tổ TKVVTB tiếp cận với các định chế tài chính chính thức, hỗ trợ 15% thành viên của Tổ TKVVTB hiện phát triển sinh kế	Thí điểm Tổ TKVVTB áp dụng phương pháp học tập và hành động giới (tổ)	Tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, Hợp tác xã do PN làm chủ/đồng làm chủ ứng dụng công nghệ 4.0 (tổ/nhóm)	Củng cố, nâng chất lượng/ hoặc thành lập mới Địa chỉ tin cậy cộng đồng (ĐCTC))	Đổi thoại chính sách cấp xã và cụm thôn bản (2.200 cuộc x 2 đợt) (cuộc)	Thành lập CLB thủ lĩnh của sự thay đổi (CLB)	Nâng cao năng lực cho cán bộ nữ DTTS tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị (cán bộ)	Tập huấn hướng dẫn GS&ĐG về BDG cho CB xã, thôn (cuộc)	Tập huấn LGG (chương trình 2) cho CB huyện, xã (cuộc)	Tập huấn LGG (Chương trình 3) cho cán bộ thôn/bản/buôn/ấp (cuộc)
	<i>Chỉ tiêu cần đạt giai đoạn I</i>	9000	3000	1800	500	1000	4400	1800	2000	600	480	1600
	<i>Thời gian hoàn thành</i>	2022-2024	2022-2024	2023-2024	2022-2024	2022-2023	2023 và 2025	2023-2024	2022-2025	2022-2023	2022-2023	2022-2024
1	Hà Nội	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Hà Giang	730	212	136	38	75	332	136	100	44	36	121
3	Cao Bằng	625	210	125	35	70	306	125	80	42	33	115
4	Bắc Kạn	380	120	74	21	40	181	74	50	25	20	66
5	Tuyên Quang	365	122	73	20	40	179	73	50	24	19	65

STT	Tỉnh/thành	NỘI DUNG										
		Tổ/nhóm truyền thông cộng đồng được thành lập và duy trì	Nâng cao quyền năng kinh tế và giải quyết vấn đề cấp thiết của PN&TE				Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia của PN&TE; Thúc đẩy vai trò lãnh đạo của PN trong hệ thống chính trị			Nâng cao năng lực cán bộ trong hệ thống chính trị về BDG, LGG		
		Thành lập và duy trì tổ truyền thông cộng đồng (tổ)	Củng cố, nâng chất lượng/hoặc thành lập mới Tổ TKVVTB (tổ), trong đó thí điểm hỗ trợ giới thiệu 15% thành viên Tổ TKVVTB tiếp cận với các định chế tài chính chính thức, hỗ trợ 15% thành viên của Tổ TKVVTB hiện phát triển sinh kế	Thí điểm Tổ TKVVTB áp dụng phương pháp học tập và hành động giới (tổ)	Tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, Hợp tác xã do PN làm chủ/đồng làm chủ ứng dụng công nghệ 4.0 (tổ/nhóm)	Củng cố, nâng chất lượng/ hoặc thành lập mới Địa chỉ tin cậy cộng đồng (ĐCTC))	Đối thoại chính sách cấp xã và cụm thôn bản (2.200 cuộc x 2 đợt) (cuộc)	Thành lập CLB thủ lĩnh của sự thay đổi (CLB)	Nâng cao năng lực cho cán bộ nữ DTTS tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị (cán bộ)	Tập huấn hướng dẫn GS&ĐG về BDG cho CB xã, thôn (cuộc)	Tập huấn LGG (chương trình 2) cho CB huyện, xã (cuộc)	Tập huấn LGG (Chương trình 3) cho cán bộ thôn/bản/buôn/ấp (cuộc)
6	Lào Cai	423	140	85	24	48	210	85	100	28	23	75
7	Điện Biên	540	160	96	27	50	235	96	80	32	26	86
8	Lai Châu	335	115	69	19	35	168	69	80	20	18	61
9	Sơn La	800	220	134	37	70	323	136	100	44	35	117
10	Yên Bái	314	105	63	17	32	156	65	50	21	17	56
11	Hoà Bình	343	115	69	19	38	168	69	80	23	18	61
12	Thái Nguyên	142	60	36	10	20	88	36	50	12	10	32
13	Lạng Sơn	506	170	101	28	55	247	101	50	34	27	90
14	Quảng Ninh			-		-	-	-		-	-	-
15	Bắc Giang	180	60	35	10	15	86	35	50	12	9	31
16	Phú Thọ	185	65	37	10	20	89	37	50	12	10	32

STT	Tỉnh/thành	NỘI DUNG											
		Tổ/nhóm truyền thông cộng đồng được thành lập và duy trì	Nâng cao quyền năng kinh tế và giải quyết vấn đề cấp thiết của PN&TE				Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia của PN&TE; Thúc đẩy vai trò lãnh đạo của PN trong hệ thống chính trị			Nâng cao năng lực cán bộ trong hệ thống chính trị về BDG, LGG			
		Thành lập và duy trì tổ truyền thông cộng đồng (tổ)	Củng cố, nâng chất lượng/hoặc thành lập mới Tổ TKVVTB (tổ), trong đó thí điểm hỗ trợ giới thiệu 15% thành viên Tổ TKVVTB tiếp cận với các định chế tài chính chính thức, hỗ trợ 15% thành viên của Tổ TKVVTB hiện phát triển sinh kế	Thí điểm Tổ TKVVTB áp dụng phương pháp học tập và hành động giới (tổ)	Tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, Hợp tác xã do PN làm chủ/đồng làm chủ ứng dụng công nghệ 4.0 (tổ/nhóm)	Củng cố, nâng chất lượng/ hoặc thành lập mới Địa chỉ tin cậy cộng đồng (ĐCTC))	Đối thoại chính sách cấp xã và cụm thôn bản (2.200 cuộc x 2 đợt) (cuộc)	Thành lập CLB thủ lĩnh của sự thay đổi (CLB)	Nâng cao năng lực cho cán bộ nữ DTTS tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị (cán bộ)	Tập huấn hướng dẫn GS&ĐG về BDG cho CB xã, thôn (cuộc)	Tập huấn LGG (chương trình 2) cho CB huyện, xã (cuộc)	Tập huấn LGG (Chương trình 3) cho cán bộ thôn/bản/buôn/ấp (cuộc)	
17	Vĩnh Phúc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
18	Ninh Bình												
19	Thanh Hoá	264	90	53	15	30	130	53	50	18	14	47	
20	Nghệ An	390	130	78	22	44	191	78	50	26	21	69	
21	Hà Tĩnh	2	1	-	0	-	1	-		-	-	-	
22	Quảng Bình	61	22	12	3	6	30	12	50	4	3	11	
23	Quảng Trị	147	50	29	8	16	72	29	50	10	8	26	
24	Thừa Thiên Huế	71	24	14	4	8	35	14	50	5	4	13	
25	Quảng Nam	200	95	56	16	32	138	56	30	19	15	50	
26	Quảng Ngãi	200	82	49	14	28	120	50	30	16	13	44	
27	Bình Định	106	35	21	6	12	52	21	30	7	6	19	

STT	Tỉnh/thành	NỘI DUNG											
		Tổ/nhóm truyền thông cộng đồng được thành lập và duy trì	Nâng cao quyền năng kinh tế và giải quyết vấn đề cấp thiết của PN&TE				Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia của PN&TE; Thúc đẩy vai trò lãnh đạo của PN trong hệ thống chính trị			Nâng cao năng lực cán bộ trong hệ thống chính trị về BDG, LGG			
			Thành lập và duy trì tổ truyền thông cộng đồng (tổ)	Củng cố, nâng chất lượng/hoặc thành lập mới Tổ TKVVTB (tổ), trong đó thí điểm hỗ trợ giới thiệu 15% thành viên Tổ TKVVTB tiếp cận với các định chế tài chính chính thức, hỗ trợ 15% thành viên của Tổ TKVVTB hiện phát triển sinh kế	Thí điểm Tổ TKVVTB áp dụng phương pháp học tập và hành động giới (tổ)	Tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, Hợp tác xã do PN làm chủ/đồng làm chủ ứng dụng công nghệ 4.0 (tổ/nhóm)	Củng cố, nâng chất lượng/ hoặc thành lập mới Địa chỉ tin cậy cộng đồng (ĐCTC))	Đối thoại chính sách cấp xã và cụm thôn bản (2.200 cuộc x 2 đợt) (cuộc)	Thành lập CLB thủ lĩnh của sự thay đổi (CLB)	Nâng cao năng lực cho cán bộ nữ DTTS tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị (cán bộ)	Tập huấn hướng dẫn GS&ĐG về BDG cho CB xã, thôn (cuộc)	Tập huấn LGG (chương trình 2) cho CB huyện, xã (cuộc)	Tập huấn LGG (Chương trình 3) cho cán bộ thôn/bản/buôn/ấp (cuộc)
39	Bình Dương	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
40	Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
41	Bà Rịa - Vũng Tàu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
42	Long An	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
43	Trà Vinh	58	26	15	4	22	36	12	50	11	4	14	
44	Vĩnh Long	13	4	3	1	2	6	3	30	1	1	2	
45	An Giang	34	14	8	2	4	14	7	50	3	2	7	
46	Kiên Giang	15	9	5	2	4	10	5	30	1	1	2	
47	Cần Thơ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
48	Hậu Giang	6	3	2	1	2	4	2	30	1	1	2	
49	Sóc Trăng	118	40	24	7	14	58	24	50	8	6	21	

STT	Tỉnh/thành	NỘI DUNG											
		Tổ/nhóm truyền thông cộng đồng được thành lập và duy trì	Nâng cao quyền năng kinh tế và giải quyết vấn đề cấp thiết của PN&TE				Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia của PN&TE; Thúc đẩy vai trò lãnh đạo của PN trong hệ thống chính trị			Nâng cao năng lực cán bộ trong hệ thống chính trị về BDG, LGG			
		Thành lập và duy trì tổ truyền thông cộng đồng (tổ)	Củng cố, nâng chất lượng/hoặc thành lập mới Tổ TKVVTB (tổ), trong đó thí điểm hỗ trợ giới thiệu 15% thành viên Tổ TKVVTB tiếp cận với các định chế tài chính chính thức, hỗ trợ 15% thành viên của Tổ TKVVTB hiện phát triển sinh kế	Thí điểm Tổ TKVVTB áp dụng phương pháp học tập và hành động giới (tổ)	Tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, Hợp tác xã do PN làm chủ/đồng làm chủ ứng dụng công nghệ 4.0 (tổ/nhóm)	Củng cố, nâng chất lượng/ hoặc thành lập mới Địa chỉ tin cậy cộng đồng (ĐCTC)	Đối thoại chính sách cấp xã và cụm thôn bản (2.200 cuộc x 2 đợt) (cuộc)	Thành lập CLB thủ lĩnh của sự thay đổi (CLB)	Nâng cao năng lực cho cán bộ nữ DTTS tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị (cán bộ)	Tập huấn hướng dẫn GS&ĐG về BDG cho CB xã, thôn (cuộc)	Tập huấn LGG (chương trình 2) cho CB huyện, xã (cuộc)	Tập huấn LGG (Chương trình 3) cho cán bộ thôn/bản/buôn/ấp (cuộc)	
50	Bạc Liêu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
51	Cà Mau	65	20	12	3	6	30	12	30	4	3	11	

Lưu ý đối với Hội LHPN các tỉnh/thành:

- Căn cứ tình hình thực tế của địa phương chủ động phân bổ chỉ tiêu cụ thể cho các cấp, các ngành liên quan phù hợp với thực tế.
- Chủ động đăng ký với TW những chỉ tiêu mềm chưa có số liệu phân bổ từ Trung ương (ví dụ các chỉ tiêu liên quan đến tỷ lệ % được nâng cao nhận thức...).
- Đối với 11 tỉnh, thành tự chủ Ngân sách địa phương (gồm: Hà Nội, Vĩnh Phúc, Ninh Bình, Quảng Ninh, Tây Ninh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu, Long An, Cần Thơ, Bạc Liêu): Chủ động tham mưu, đề xuất với UBND tỉnh, thành phố thực hiện các chỉ tiêu phù hợp với tình hình thực tế của địa phương

Phụ lục 02: Hoạt động thực hiện Dự án 8 tại địa phương
giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025
(Kèm theo Kế hoạch số 43 /KH - ĐCT ngày 03 tháng 6 năm 2022)

TT	Nội dung hoạt động	Chỉ tiêu tổng thể giai đoạn 1: 2021- 2025	Thời gian thực hiện/hoàn thành
Nội dung 1. Tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em			
HD1 Xây dựng các tổ/nhóm truyền thông tiên phong thay đổi trong cộng đồng			
1	Thành lập và duy trì Tổ truyền thông cộng đồng (thu hút sự tham gia của cả nam giới, nữ giới là những người có uy tín trong thôn, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo,...); hỗ trợ trang thiết bị cơ bản phục vụ công tác truyền thông trên cơ sở rà soát những thiết bị đã được trang bị tại cấp thôn.	9.000 tổ	Thực hiện từ năm 2022 và hoàn thành chậm nhất vào năm 2024
2	Tập huấn hướng dẫn thành lập và vận hành Tổ truyền thông theo Sổ tay hướng dẫn (cấp tỉnh tổ chức tập huấn cho các huyện và xã điểm; cấp huyện tập huấn cho xã/người điều hành, quản lý Tổ truyền thông)	1000 cuộc (Ngoài ra, tùy điều kiện, tình hình địa phương có thể tập huấn củng cố, cập nhật hàng năm)	Thực hiện từ năm 2022 và hoàn thành chậm nhất vào năm 2024
3	Xây dựng mạng lưới truyền thông trên nền tảng số để chia sẻ, kết nối hoạt động của các Tổ truyền thông (ứng dụng zalo/facebook trong công tác truyền thông, chia sẻ, cập nhật thông tin của tổ truyền thông)	9000 tổ truyền thông ứng dụng truyền thông trên nền tảng số	Triển khai từ năm 2022 gắn với quá trình thành lập Tổ truyền thông; duy trì thường xuyên hàng năm
HD2 Thực hiện các chiến dịch truyền thông xóa bỏ định kiến và khuôn mẫu giới, xây dựng môi trường sống an toàn cho phụ nữ và trẻ em			
1	Xây dựng chương trình truyền thông trên các phương tiện truyền thông đại chúng tại địa phương (cấp tỉnh, huyện, xã). Các chương trình sẽ được phát trên sóng phát thanh, truyền hình, trên hệ thống loa phát thanh xã/phương bằng tiếng phổ thông và tiếng dân tộc.	- Mỗi tỉnh xây dựng được ít nhất 01 chương trình truyền thông phát trên sóng PT&TH địa phương. - Tại mỗi xã, hàng tháng tổ chức truyền	Hàng năm

		thông trên loa phát thanh xã đến thôn/bản/buôn/ấp và tuyên truyền/chia sẻ kết quả trên kênh thông tin của huyện, xã (website, facebook, zalo...)	
2	Hỗ trợ Tổ truyền thông tổ chức hoạt động: xây dựng nội dung, thông điệp và tổ chức hoạt động truyền thông tại cộng đồng (dưới hình thức sân khấu hóa, truyền thông trực tiếp tại cộng đồng, trong dịp lễ hội, phiên chợ, khuyến khích nam giới tiên phong tham gia, tổ chức hoạt động); Hàng năm, đánh giá kết quả, tác động của hoạt động truyền thông và xác định nội dung, hình thức truyền thông năm tiếp theo.	Mỗi tổ truyền thông tổ chức được ít nhất 01 cuộc truyền thông hàng quý tại cộng đồng/hoặc gắn với cuộc họp thôn/bản/ấp/buôn	Hàng năm
3	Xây dựng ấn phẩm truyền thông (tài liệu, tờ gấp, tranh lật, áp phích, clip...) và số hóa tài liệu truyền thông dưới dạng video, clip phù hợp với nhận thức, đặc điểm văn hóa, bản sắc dân tộc của địa phương.	Tùy điều kiện địa phương xây dựng tài liệu phù hợp, thiết thực	Hàng năm
HĐ3	<i>Hội thi/liên hoan các mô hình sáng tạo, hiệu quả trong xóa bỏ định kiến giới, bạo lực gia đình, và mua bán phụ nữ và trẻ em</i>		
1	Tổ chức các cuộc thi tìm kiếm sáng kiến, mô hình, giải pháp truyền thông hiệu quả thay đổi “Nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ định kiến giới, bạo lực gia đình, và mua bán phụ nữ và trẻ em. Tổ chức đánh giá, lựa chọn sáng kiến tiêu biểu để lan tỏa, nhân rộng và gửi tham dự thi tại cấp Trung ương.	Mỗi tỉnh sẽ tổ chức phát động 01 cuộc thi trên toàn tỉnh	2023, 2024
2	Tư liệu hóa các sáng kiến, mô hình, giải pháp hiệu quả từ cuộc thi và tuyên truyền, nhân rộng tại địa phương (dưới dạng video, clip, tài liệu...)	Cấp tỉnh, thành chủ động lựa chọn và nhân rộng	2023, 2024, 2025

HD4	Triển khai 04 gói chính sách hỗ trợ phụ nữ DTTS sinh đẻ an toàn và chăm sóc sức khỏe trẻ em (Hội Phụ nữ và ngành y tế cùng cấp phối hợp chặt chẽ trong quá trình triển khai các nội dung của 04 gói chính sách trong Dự án 7, Dự án 8 - Chương trình MTQG DTTS&MN và căn cứ theo Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình)		
1	Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về làm mẹ an toàn, chăm sóc sức khỏe trẻ em và vận động phụ nữ sinh con tại cơ sở y tế thông qua tổ chức các chiến dịch truyền thông tại cơ sở và truyền thông gắn với các buổi sinh hoạt chi tổ phụ nữ (Mức chi theo quy định tại khoản 2, khoản 7 Điều 4 và khoản 4 Điều 60 Thông tư 15/2022/TT- BTC)	80% phụ nữ DTTS có tỷ lệ sinh con tại nhà cao được tuyên truyền, tư vấn, tiếp cận với dịch vụ sinh đẻ an toàn.	2022 - 2025 (riêng năm 2022 các tỉnh chủ động tổ chức hoạt động phù hợp với tình hình địa phương và tiến hành rà soát thực tế để có cơ sở đề xuất đối tượng cụ thể để hỗ trợ)
2	Triển khai 04 gói chính sách hỗ trợ tới bà mẹ theo quy định về nội dung, định mức chi tiêu tại Điểm b, Khoản 2, Điều 38 Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022. - Địa bàn: triển khai tại địa bàn có đông người DTTS và có tỷ lệ sinh con tại nhà cao hơn mức trung bình của cả nước, gồm 10 tỉnh: Điện Biên, Sơn La, Lai Châu, Hà Giang, Nghệ An, Kon Tum, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đắk Lắk, Gia Lai (theo Điều tra thực trạng KTXH 53 DTTS Việt Nam năm 2019, TCTK). Đối với các tỉnh, thành (ngoài 10 tỉnh nói trên) có xã ĐBKK thuộc khu vực 3, địa bàn có dân tộc thiểu số ít người sinh con tại nhà cao chú trọng triển khai tuyên truyền, vận động phụ nữ sinh con tại cơ sở y tế, cung cấp kiến thức, kỹ năng làm mẹ an toàn, chăm sóc sức khỏe trẻ em theo tình hình thực tế, căn cứ nguồn lực của địa phương để chủ động triển khai gói chính sách hỗ trợ).	04 gói chính sách hỗ trợ được triển khai tới bà mẹ	- Năm 2022 tiến hành khảo sát, xác định nhu cầu, đề xuất đối tượng cụ thể để hỗ trợ; - Tổ chức triển khai gói chính sách hỗ trợ và triển khai các hoạt động truyền thông hàng năm

Nội dung 2. Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em

HD1	Phát triển và nhân rộng mô hình tiết kiệm và tín dụng tự quản để tăng cường tiếp cận tín dụng, cải thiện cơ hội sinh kế, tạo cơ hội tạo thu nhập và lồng ghép giới		
1	Củng cố, nâng cao chất lượng/hoặc thành lập mới Tổ tiết kiệm vay vốn thôn bản (TKVVTB) , gồm các hoạt động: tiến hành rà soát, đánh giá nhu cầu và lập danh sách; củng cố/hoặc thành lập Tổ TKVVTB; hỗ trợ hòm giữ tiết kiệm; duy trì sinh hoạt tổ, trong đó hỗ trợ kinh phí cho tổ sinh hoạt 03 tháng đầu để giám sát, hỗ trợ kỹ thuật cho tổ vận hành; hướng dẫn quản lý và sử dụng tiền tiết kiệm hiệu quả ...	3.000 tổ TKVVTB	Tiến hành thành lập từ năm 2022 và hoàn thành chậm nhất vào năm 2024
2	Thí điểm hỗ trợ kết nối cho 15% thành viên của Tổ TKVVTB hiện có tiếp cận với các định chế tài chính chính thức” (như Ngân hàng, các quỹ tín dụng của Nhà nước...) để tăng cường cơ hội tiếp cận dịch vụ tài chính chính thức cho thành viên	15% thành viên của Tổ TKVVTB được kết nối với các định chế tài chính chính thức	Năm 2022 tiến hành rà soát, đánh giá nhu cầu, lập danh sách. Từ 2023 triển khai thí điểm vận hành mô hình hàng năm
3	Thí điểm hỗ trợ 15% thành viên Tổ TKVVTB hiện có phát triển sinh kế (với các hoạt động: hướng dẫn các thành viên trong tổ xây dựng đề xuất phát triển sinh kế và lựa chọn các đề xuất có khả thi, phù hợp để hỗ trợ triển khai; phối hợp ngành chuyên môn tập huấn kỹ thuật cho thành viên tổ có đề xuất được phê duyệt để triển khai hiệu quả...)	15% thành viên của Tổ TKVVTB được hỗ trợ phát triển sinh kế	Năm 2022 tiến hành rà soát, đánh giá nhu cầu, lập danh sách. Từ 2023 triển khai thí điểm vận hành mô hình hàng năm
4	Tập huấn hướng dẫn củng cố/thành lập và vận hành tổ TKVVTB, hướng dẫn kết nối với các định chế tài chính chính thức, phát triển sinh kế, áp dụng phương pháp học tập và hành động giới cho Tổ TKVVTB theo Sổ tay hướng dẫn của Trung ương (cấp tỉnh tổ chức tập huấn cho các huyện và xã điểm; cấp huyện tập	240 lớp	Thực hiện từ năm 2022 và hoàn thành chậm nhất vào năm 2024

	<i>huấn cho cấp xã, thôn (cán bộ phụ nữ xã, chi hội trưởng/người điều hành mô hình)</i>		
5	Áp dụng phương pháp học tập và hành động giới cho Tổ TKVVTB (gồm các hoạt động: Rà soát, đánh giá mức độ sẵn sàng triển khai của các tổ TKVVTB; xây dựng lộ trình triển khai; tập huấn cho các tổ về phương pháp học tập và hành động giới cho các tổ; tổ chức buổi truyền thông tổ về giới, bình đẳng giới)	1.800 tổ	Năm 2022 tiến hành rà soát, đánh giá nhu cầu, lập danh sách. Từ năm 2023 triển khai thí điểm vận hành mô hình hàng năm.
HD2	Hỗ trợ ứng dụng công nghệ 4.0 để nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ DTTS		
1	Hỗ trợ các mô hình sinh kế có phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ (tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, hợp tác xã) xây dựng thương hiệu; đăng ký các tiêu chuẩn theo quy định; xây dựng truy xuất nguồn gốc và tập huấn về quản lý chất lượng; hỗ trợ ứng dụng công nghệ 4.0 tham gia các sàn giao dịch thương mại điện tử; giới thiệu và hỗ trợ kết nối với các giải pháp dịch vụ logistics và thanh toán điện tử; tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cho tổ/nhóm <i>(các hoạt động, gồm: tập huấn hướng dẫn các tổ/nhóm; các tổ/nhóm xây dựng đề xuất; đánh giá, lựa chọn các đề xuất hiệu quả, phù hợp và hỗ trợ triển khai)</i>	500 tổ/nhóm	Các tỉnh rà soát, đánh giá nhu cầu, lập danh sách vào năm 2022 và triển khai thí điểm từ 2023 đến hết giai đoạn 1
HD3	Thí điểm và nhân rộng mô hình Địa chỉ tin cậy hỗ trợ bảo vệ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bạo lực gia đình		
1	- Thí điểm củng cố, nâng chất lượng/hoặc thành lập mới mô hình Địa chỉ tin cậy cộng đồng + Đối với địa bàn đã có sẵn mô hình: có thể củng cố, nâng chất lượng để hoạt động hiệu quả + Đối với địa bàn chưa có mô hình: đề nghị thành lập mới (theo qui trình qui định)	1000 ĐCTC	Các tỉnh rà soát, đánh giá nhu cầu, lập danh sách trong năm 2022. Hoàn thành củng cố/thành lập mới mô hình vào 2023 và duy trì hoạt động hàng năm.

2	Tổ chức tập huấn hướng dẫn cho chủ ĐCTC, cán bộ hội cơ sở về vận hành mô hình và phương pháp hỗ trợ nạn nhân trên cơ sở hướng dẫn của TW (cấp tỉnh tập huấn hướng dẫn tới các huyện và xã điểm; cấp huyện tập huấn hướng dẫn tới các xã, chủ ĐCTC)	100% chủ ĐCTC được tập huấn, hướng dẫn	Hoàn thành vào năm 2023
HD4	Thí điểm và nhân rộng mô hình hỗ trợ phát triển sinh kế, hòa nhập cộng đồng cho nạn nhân mua bán người		
1	Vận động và hỗ trợ nạn nhân mua bán trở về được tham gia vào các Tổ TKVVTB, hỗ trợ sinh kế để kinh doanh, sản xuất nhỏ, hỗ trợ/kết nối tham gia các chương trình học nghề, tạo việc làm để cải thiện cuộc sống (bao gồm các hoạt động: tuyên truyền vận động; tập huấn hướng dẫn xây dựng đề xuất sinh kế, giải pháp phát triển kinh tế; hỗ trợ triển khai các mô hình sinh kế)	500 lượt người	Các tỉnh rà soát, đánh giá nhu cầu, lập danh sách trong năm 2022. Triển khai thí điểm từ năm 2023 đến hết giai đoạn 1
Nội dung 3. Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng; giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị			
HD1	Đảm bảo tiếng nói và vai trò của phụ nữ trong các vấn đề kinh tế - xã hội tại địa phương, trong đó có thực hiện CTMTQG 1719		
1	Tập huấn hướng dẫn tổ chức Đối thoại chính sách ở cấp cơ sở theo Sổ tay hướng dẫn của Trung ương (cấp tỉnh tập huấn cho cán bộ huyện, xã; cấp huyện tập huấn hướng dẫn cho trưởng thôn/phó thôn, bí thư thôn, trưởng các tổ chức chính trị xã hội thôn bản, chức sắc tôn giáo, người có uy tín trong cộng đồng, ...)	240 lớp	Năm 2022, 2023
2	Tổ chức các cuộc đối thoại chính sách ở cấp xã và cụm thôn bản ĐBKK (các hoạt động gồm: tổ chức các cuộc họp chuẩn bị nội dung đối thoại; tổ chức đối thoại; biên tập và phổ biến kết quả đối thoại rộng rãi trên loa phát thanh xã)	Ít nhất 02 đợt/tỉnh (tùy tình hình địa phương có thể tổ chức hàng năm)	Năm 2023 và kết thúc muộn nhất vào quý 2/2025
	Vận động và hướng dẫn hội viên phụ nữ	Địa phương chủ	Hàng năm

	tham gia các hoạt động cộng đồng (các cuộc họp dân, tiếp xúc cử tri của đại biểu dân cử tại địa bàn, đóng góp ý kiến xây dựng hệ thống chính trị). Các tỉnh chủ động tổ chức hoạt động hoặc gắn với sinh hoạt chi hội thường kỳ, họp thôn/bản/ấp/buôn...	động triển khai phù hợp với thực tiễn	
3	Thực hiện giám sát xã hội: các hoạt động theo chủ đề/vấn đề do Hội chủ động đề xuất, chủ trì hoặc phối hợp thực hiện (Các tỉnh chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện giám việc thực thi các chính sách hỗ trợ phụ nữ, trẻ em tại vùng đồng bào DTTS & MN theo chức năng nhiệm vụ tổ chức Hội)	Các cấp Hội thực hiện theo chỉ tiêu của Nghị Quyết ĐHĐB phụ nữ toàn quốc lần thứ 13 về giám sát, phản biện, góp ý văn bản, chính sách	Hàng năm
HĐ2	<i>Đảm bảo tiếng nói và vai trò của trẻ em gái trong phát triển kinh tế-xã hội của cộng đồng thông qua mô hình CLB “thủ lĩnh của sự thay đổi”</i>		
1	Thành lập CLB thủ lĩnh của sự thay đổi tại Trung học cơ sở (THCS); trang bị một số vật dụng cần thiết phục vụ hoạt động và hỗ trợ tổ chức một số buổi sinh hoạt làm mẫu <i>(Phối hợp với ngành Giáo dục và Đào tạo cùng cấp để triển khai)</i>	1.800 CLB	Năm 2022 tiến hành rà soát, lập danh sách. Từ năm 2023 triển khai thành lập, vận hành mô hình và duy trì hàng năm.
2	Tập huấn hướng dẫn thành lập và vận hành CLB “thủ lĩnh của sự thay đổi” theo Sổ tay hướng dẫn của TW (cấp tỉnh tập huấn cho cán bộ huyện, xã điểm; cấp huyện tập huấn hướng dẫn cho người phụ trách/điều hành CLB, trẻ em cốt cán).	240 lớp	Các tỉnh tiến hành tập huấn từ năm 2022 và hoàn thành vào năm 2023
HĐ3	<i>Công tác giám sát và đánh giá về thực hiện bình đẳng giới trong CTMTQG DTTS&MN</i>		
1	Tập huấn hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện bình đẳng giới trong thực hiện Chương trình MTQG DTTS & MN theo Sổ tay hướng dẫn của TW (tỉnh, huyện tập huấn cho cán bộ cấp xã và thôn bản)	600 cuộc	Các tỉnh triển khai tập huấn từ 2022 và hoàn thành năm 2023
2	Thực hiện giám sát, thu thập thông tin, tổng hợp báo cáo giám sát thực hiện bình đẳng giới trên nền tảng số theo hướng		Hàng năm

	dẫn của Trung ương Hội.		
3	Sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm triển khai thực hiện Dự án 8 và thực hiện bình đẳng giới trong Chương trình (có sự tham gia của các cấp, các ngành liên quan tại địa phương)	Sơ kết 6 tháng, 01 năm; sơ kết giữa kỳ và giai đoạn 1	Hàng năm, giữa kỳ, cuối kỳ
HD4	<i>Nâng cao năng lực cho cán bộ nữ DTTS tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị</i>		
1	Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ nữ DTTS cấp huyện, cấp xã, gồm cán bộ nữ trong quy hoạch vào các vị trí lãnh đạo, cán bộ nữ mới bổ nhiệm, cán bộ nữ mới trúng cử lần đầu tham gia các khóa tập huấn ngắn hạn với nội dung phù hợp.	2000 cán bộ nữ	2022, 2023, 2024
2	Tổ chức các chuyến tham quan học tập kinh nghiệm cho cán bộ nữ người DTTS trong quy hoạch vào các vị trí lãnh đạo trong hệ thống chính trị cấp xã và huyện (<i>địa phương chủ động lựa chọn mô hình hay, cách làm hiệu quả phù hợp để tham quan</i>)		Các tỉnh chủ động lựa chọn thời gian phù hợp để thực hiện trong giai đoạn
<i>Nội dung 4. Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới (LGG) cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng</i>			
HD1	<i>Các hoạt động phát triển năng lực thực hiện bình đẳng cho cán bộ các cấp</i>		
1	Tổ chức tập huấn cho cán bộ cấp huyện, cấp xã theo Chương trình 2 về phát triển năng lực LGG (<i>theo tài liệu của trung ương biên soạn và hướng dẫn các tỉnh</i>)	480 lớp, ít nhất 8.400 cán bộ huyện, xã	- Đối với các tỉnh đã được TW tập huấn TOT ¹ : Tiếp tục tham gia tập huấn củng cố tại lớp TOT do TW tổ chức; Tiến hành tập huấn tại địa phương từ năm 2022 và chủ động tập

¹ Gồm 14 tỉnh miền núi phía Bắc: Lào Cai, Sơn La, Hòa Bình, Điện Biên, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Phú Thọ, Bắc Giang, Hà Giang, Cao Bằng, Tuyên Quang, Bắc Kạn, Lai Châu, Yên Bái

			<p>huấn củng cố, nâng cao trong những năm tiếp theo</p> <p>- Đối với các tỉnh chưa được tập huấn TOT: năm 2022 tham gia tập huấn TOT do TW tổ chức. Tùy địa phương có thể tổ chức tập huấn từ năm 2022 và chủ động tập huấn củng cố, nâng cao trong những năm tiếp theo</p>
2	<p>Tổ chức tập huấn theo Chương trình 3 về thúc đẩy bình đẳng giới trong cộng đồng, gồm: cán bộ thôn/ bản/buôn/ấp, người có uy tín trong cộng đồng (<i>theo tài liệu của trung ương biên soạn và hướng dẫn các tỉnh</i>)</p>	1.600 lớp	<p>- Đối với các tỉnh đã được TW tập huấn TOT²: Tiến hành tập huấn lại từ năm 2022</p> <p>- Đối với các tỉnh chưa được TW tập huấn TOT: năm 2022 tham gia tập huấn TOT do TW tổ chức và có thể tổ chức tập huấn tại địa phương từ năm 2022</p>

² Gồm 14 tỉnh miền núi phía Bắc: Lào Cai, Sơn La, Hòa Bình, Điện Biên, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Phú Thọ, Bắc Giang, Hà Giang, Cao Bằng, Tuyên Quang, Bắc Kạn, Lai Châu, Yên Bái